

ỦY BAN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH GIA LAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2586/TTr-UBND

Gia Lai, ngày 15 tháng 11 năm 2018

TÒ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

VĂN PHÒNG HỘNG TỈNH GIA LAI

Số: 5404

Đến Ngày: 15/11/2018

Chuyển: Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XI - Kỳ họp thứ Bảy.

Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Thông tư số 01/2017/TT-UBDT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XI - Kỳ họp thứ Bảy về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẨM THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Trong thời gian qua, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đã được triển khai trên địa bàn tỉnh, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 19,71% vào cuối năm 2015 xuống 13,34% vào cuối năm 2017.

Ngày 15/02/2017, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 15/2017/TT-BTC Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, trong đó giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết tại các Điều: điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 9; điểm g khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 13; điểm c khoản 6, khoản 8 Điều 19; khoản 10 Điều 21.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai để quy định chi tiết các nội dung theo nhiệm vụ được giao tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích: Nghị quyết được xây dựng nhằm quy định rõ một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, cá nhân thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

2. Quan điểm chỉ đạo: Quan điểm xây dựng Nghị quyết là đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg, Thông tư số 15/2017/TT-BTC và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Quá trình xây dựng Nghị quyết được thực hiện đúng theo quy định của Trung ương về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được giao chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự thảo Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết đã được các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý, đã được sửa đổi, bổ sung và được Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

IV. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bộ cục:

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai gồm 08 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 30a, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135.

Điều 4. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

Điều 5. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem và thiết lập cụm thông tin cơ sở do địa phương thực hiện.

Điều 6. Mức chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp.

Điều 8. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

Nghị quyết này quy định một số nội dung cơ bản sau:

a) Quy định phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:

- Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp ở địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 71/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Quy định đối tượng áp dụng Nghị quyết: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh được giao quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

c) Quy định cụ thể nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 30a, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 (theo quy định tại: điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 8;

khoản 1 Điều 9; điểm g khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC), bao gồm:

- Quy định mức hỗ trợ cụ thể dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo do địa phương thực hiện (theo quy định tại: điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC): Hỗ trợ 90% tổng kinh phí của dự án, mô hình theo chế độ, định mức chi tiêu hiện hành nhưng không quá 400 triệu đồng/dự án, mô hình.

- Quy định hỗ trợ chi xây dựng và quản lý dự án đối với dự án do địa phương thực hiện (theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 15/2017/TT-BTC): Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng và quản lý dự án đối với các dự án do địa phương thực hiện nhưng không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

- Quy định mức hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do địa phương thực hiện (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC):

Hộ nghèo: Hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ cận nghèo: Hỗ trợ 17 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ mới thoát nghèo: Hỗ trợ 14 triệu đồng/hộ/năm.

- Quy định mức hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề và dịch vụ (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC):

Hộ nghèo: hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ cận nghèo: hỗ trợ 17 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ mới thoát nghèo: hỗ trợ 14 triệu đồng/hộ/năm.

- Quy định hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC): Hỗ trợ 50% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến được chuyển giao nhưng không quá 200 triệu đồng/năm.

- Quy định chi xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, làng, mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu (theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC): Khi có phát sinh, căn cứ vào kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao và điều kiện thực tế của từng huyện, thị xã, thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định loại mô hình, quy mô mô hình, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia mô hình trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 15/2017/TT-BTC): Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết (do cùng nội dung thực hiện).

d) Quy định hỗ trợ phương tiện nghe - xem và thiết lập cụm thông tin cơ sở do địa phương thực hiện (theo quy định tại điểm c khoản 6 và khoản 8 Điều 19 Thông tư số 15/2017/TT-BTC):

- Quy định hỗ trợ phương tiện nghe - xem theo quy định (tại điểm c khoản 6 Điều 19 Thông tư số 15/2017/TT-BTC):

+ Loại phương tiện hỗ trợ: Ra-đi-ô hoặc Tivi.

+ Hình thức hỗ trợ: Bằng hiện vật.

+ Mức hỗ trợ: 01 Ra-đi-ô/hộ nghèo nhưng không quá 1,5 triệu đồng/Ra-đi-ô hoặc 01 Tivi/hộ nghèo nhưng không quá 05 triệu đồng/Tivi.

- Quy định hỗ trợ thiết lập cụm thông tin cơ sở (theo quy định tại khoản 8 Điều 19 Thông tư số 15/2017/TT-BTC): hỗ trợ 100% chi phí thiết lập cụm thông tin cơ sở (Bảng tin điện tử từ 01 đến 02 mặt hình) tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương.

e) Quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã (theo quy định tại khoản 10 Điều 21 Thông tư số 15/2017/TT-BTC): 03 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI - Kỳ họp thứ Bảy xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết)

Nơi nhận:

- Như trên;
- T/T Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở: LĐTBXH; Tài chính; KH&ĐT; NN&PTNT;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Nữ Thu Hà

Số: /2018/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí
sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBDT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai:

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 30a, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135.

1.1. Mức hỗ trợ cụ thể dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo do địa phương thực hiện.

Hỗ trợ 90% tổng kinh phí của dự án, mô hình theo chế độ, định mức chi tiêu hiện hành nhưng không quá 400 triệu đồng/dự án, mô hình.

1.2. Hỗ trợ chi xây dựng và quản lý dự án đối với dự án do địa phương thực hiện.

Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng và quản lý dự án đối với các dự án do địa phương thực hiện nhưng không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

1.3. Mức hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do địa phương thực hiện.

Hộ nghèo: Hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ cận nghèo: Hỗ trợ 17 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ mới thoát nghèo: Hỗ trợ 14 triệu đồng/hộ/năm.

1.4. Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm đối với dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ do địa phương thực hiện.

a) Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề và dịch vụ.

Hộ nghèo: hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ cận nghèo: hỗ trợ 17 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ mới thoát nghèo: hỗ trợ 14 triệu đồng/hộ/năm.

b) Hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Hỗ trợ 50% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến được chuyển giao nhưng không quá 200 triệu đồng/năm.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem và thiết lập cụm thông tin cơ sở do địa phương thực hiện.

3.1. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem.

a) Loại phương tiện hỗ trợ: Ra-đi-ô hoặc Ti vi.

b) Hình thức hỗ trợ: Bằng hiện vật.

c) Mức hỗ trợ: 01 Ra-đi-ô/hộ nghèo nhưng không quá 1,5 triệu đồng/Ra-đi-ô hoặc 01 Ti vi/hộ nghèo nhưng không quá 05 triệu đồng/Tivi.

3.2. Hỗ trợ 100% chi phí thiết lập cụm thông tin cơ sở (Bảng tin điện tử từ 01 đến 02 mặt hình) tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương.

4. Mức chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã là 03 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án, mô hình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đang triển khai thực hiện thì tiếp tục triển khai theo chính sách hỗ trợ của dự án, mô hình được duyệt và không thực hiện điều chỉnh theo chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với các dự án, mô hình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang trong giai đoạn chuẩn bị thì thực hiện điều chỉnh theo chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XI - Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày tháng năm 2018 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2018./.

Noi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban TVQH;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT, Bộ TT&TT
Bộ LĐ-TB&XH, Bộ KH&ĐT; Ủy ban DT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT-TH.

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1248/STP-XD&KTVB

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Gia Lai, ngày 15 tháng 11 năm 2018

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1209/LĐTBXH-BTXH ngày 14/11/2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là *dự thảo văn bản*) gửi kèm theo Văn bản số 1209/LĐTBXH-BTXH và đối chiếu các quy định pháp luật liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản

Thông nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 9; điểm g khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 13; điểm c khoản 6, khoản 8 Điều 19; khoản 10 Điều 21 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung dự thảo văn bản

Tại khoản 2 Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đoạn “trên địa bàn tỉnh Gia Lai” vào cuối khoản nhằm đảm bảo trình bày đúng tên gọi của Nghị quyết số 71/2017/NQ-HĐND.

III. Về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị cơ quan soạn thảo đối chiếu mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và áp dụng các quy

định khác tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để trình bày dự thảo văn bản đảm bảo đúng quy định.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản./.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu: VT, XD&KTVB.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Ngọc Lam